

Số: 41/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 950/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Lương Thị Diễm T**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Kiệt A đường P, phường B, thành phố H, tỉnh G.

- Bị đơn: **Anh Trần Đức H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Kiệt A đường P, phường B, thành phố H, tỉnh G.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị Diễm T và anh Trần Đức H thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Lương Thị Diễm T và anh Trần Đức H có 02 con chung tên là Trần C, sinh ngày 16/01/2008 và Trần Q, sinh ngày 12/9/2012.

Chị T và anh H tự nguyện thoả thuận: Giao cả hai cháu Trần C, sinh ngày 16/01/2008 và Trần Q, sinh ngày 12/9/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Q 3.000.000 đồng/1 tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Trần Q thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Lương Thị Diễm T và anh Trần Đức H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lương Thị Diễm T và anh Trần Đức H đều xác nhận không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Về án phí ly hôn: Chị Lương Thị Diễm T và anh Trần Đức H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng.

+ Về án phí cấp dưỡng: Anh Trần Đức H phải chịu 150.000 đồng, nhưng chị T tự nguyện nộp thay án phí cấp dưỡng cho anh H.

Cả hai khoản án phí trên được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0005439 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Hương Vinh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng